TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Số: 678/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Quận 7, ngày 03 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 570/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu:

1/ Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1990

2/ Ông Trần Bình N, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Số N, đường Huỳnh T.P, tổ 10, khu phố K, phường T.T.Đ, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Bình N qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24, Quyển số 01/2014 đăng ký ngày 07/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P.A, huyện N.T, tỉnh Đồng N).

Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay, ông N và bà T cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông N và bà T cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Bình N có 02 (Hai) con là Trần Nguyễn T.A (Nữ) sinh ngày 15/8/2017 và Trần Nguyễn V.A (Nữ) sinh ngày 14/11/2014. Các đương sự thỏa thuận giao trẻ Trần Nguyễn T. A(Nữ) sinh ngày 15/8/2017 và Trần Nguyễn V.A (Nữ) sinh ngày 14/11/2014 cho bà Nguyễn Thị M.T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Bình N không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông N và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông N và bà T xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông N và bà T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Bình N và bà Nguyễn Thị Minh T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 24, Quyển số 01/2014 đăng ký ngày 07/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã P.A, huyện N.T, tỉnh Đồng N không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Bình N có 02 (Hai) con là Trần Nguyễn T.A (Nữ) sinh ngày 15/8/2017 và Trần Nguyễn V.A (Nữ) sinh ngày 14/11/2014.

Công nhận sự thỏa thuận: Giao trẻ Trần Nguyễn T.A (Nữ) sinh ngày 15/8/2017 và Trần Nguyễn V.A (Nữ) sinh ngày 14/11/2014 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Bình N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Bình N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Minh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông N và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông N và bà T xác nhận không có.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trần Bình N và bà Nguyễn Thị Minh T chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0031477 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Bình N và bà Nguyễn Thị Minh T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Đức).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy